TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05/02/2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bồ Quốc Khánh.

Ông Đoàn Văn Lước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Thành T, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Thôn T, phường A, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Nhà trọ Á, tổ B, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 052098013902. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đinh Thị Lệ T1, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ A, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 074301002410. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Thành T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành T và bà Đinh Thị Lệ T1 có tìm hiểu nhau một thời gian và cảm thấy hợp nhau nên quyết định sống chung và

tiến đến hôn nhân, ông T và bà T1 đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định tại giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 13/7/2022. Sau một thời gian sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T và bà T1 đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành và mâu thuẫn ngày một nghiêm trọng hơn, ông T không còn chung sống với bà T1 cho tới nay. Vì vậy ông Lê Thành T quyết định đơn phương ly hôn và yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà Đinh Thị Lệ T1.

+ Về con chung: Ông T và bà T1 không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn (bà Đinh Thị Lệ T1): Bà T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, để bà T1 tham gia tố tụng nhưng bà cố tình vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đối với vụ án: Trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn luật định. Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ. Bị đơn được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để làm việc là chưa tuân thủ quy định pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo về thụ lý vụ án, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành T và bà Đinh Thị Lệ T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định tại giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 13/07/2022 (nay là UBND phường A, tỉnh Gia Lai). Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T2 yêu cầu được ly hôn với bà trinh vì cuộ sóng chung không còn hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Ông T và bà T1 đã không còn chung sống với nhau. Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 vẫn không đến Tòa án, cho thấy bà T1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của ông bà đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn (ông Lê Thành T) phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn ông Lê Thành T đối với bị đơn bà Đinh Thị Lệ T1.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành T được ly hôn với bà Đinh Thị Lệ T1.

1.2 Về việc nuôi con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thành T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047659 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã An Nhơn, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan